

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2019

*“Về việc yêu cầu ly hôn
và tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Mến

- Bà Nguyễn Thị Hằng Nga

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2019 về tranh chấp: *“Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BR – VT.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh BR – VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2019, biên bản lấy lời khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

* Về hôn nhân: ông Ngô Văn T và bà Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hôn nhân của ông T và bà H là hoàn toàn tự nguyện không ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn ông T và bà H có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn, ông T và bà H chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Việc này vợ chồng ông T và bà H đã tìm cách khắc phục nhưng không được.

Từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, ông T và bà H đã sống ly thân không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà H không còn nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà H.

* Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Ngô Phạm Khánh H, sinh ngày: 29/8/2013. Con chung đang sống cùng với bà H. Ông T đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000đ, cấp dưỡng vào ngày 30 Tây hàng tháng.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 16 tháng 9 năm 2019, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

* Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh BR - VT. Hôn nhân của bà H và ông T là tự nguyện không bị ai mai mối hay ép buộc, trước khi kết hôn bà H và ông T có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Việc này vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không được. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà H đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Ngô Phạm Khánh H, sinh ngày: 29/8/2013. Con chung đang sống cùng với bà H, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000đ.

* Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông T tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị H đã có bản khai theo quy định và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin vắng mặt theo quy định nên chấp nhận.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn bà H. Về con chung, ông T đồng ý giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) nên ghi nhận. Về phần tài sản chung và nợ chung: ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Ông Ngô Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị H và yêu cầu giải quyết về con chung. Bà H có nơi cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Ngô Văn T và bà Phạm Thị H đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H đã có đơn xin xét xử vắng mặt theo đúng quy định nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] *Về hôn nhân*: Xét thấy, ông Ngô Văn T và bà Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước khi kết hôn ông T và bà H có thời gian tìm hiểu nhau nên hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Về thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn, cả ông T và bà H đều xác định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài không thể nào khắc phục được.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Việc này cả ông T và bà H đều đã cố gắng khắc phục

nhưng không được. Từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, ông T và bà H không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Ông T yêu cầu ly hôn thì bà H đồng ý.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà H.

[5] *Về con chung*: Ông T và bà H có 01 con chung là Ngô Phạm Khánh H, sinh ngày: 29/8/2013. Bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000đ. Ông T đồng ý giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000đ, cấp dưỡng vào ngày 30 Tây hàng tháng nên ghi nhận.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 và các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T, ông T được ly hôn với bà Phạm Thị H.

2. *Về con chung*: Ông Ngô Văn T và bà Phạm Thị H có 01 (một) con chung là Ngô Phạm Khánh H, sinh ngày: 29/8/2013. Cháu Hồng đang sống với bà H, bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồng. Ông Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hồng một tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 30 Tây hàng tháng, đợt cấp dưỡng đầu tiên vào ngày 30/12/2019 cho đến khi cháu Hồng đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các

thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Ngô Văn T và bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Ông Ngô Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con con. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông T phải nộp là 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000434 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Ông T còn phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy